

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 5 - 2021

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Hùng Kiệt.

Bà Nguyễn Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cảnh Nha –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Văn Ph; Sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp b, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Phạm Thị Mỹ L; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp Th, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trương Văn Ph trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trương Văn Ph và bà Phạm Thị Mỹ L tự nguyện kết hôn vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65, ngày 08/4/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh phúc, nhưng đến tháng 11/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, ông Ph và bà L đã sống ly thân từ tháng 05/2015 cho đến nay. Nay ông Ph xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà L không còn, nên ông Ph yêu cầu ly hôn với bà L; Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Ph và bà L có 01 người con chung là Phạm Phước Th, sinh ngày 11/12/2014. Hiện nay Th đang sống chung với bà L. Ông Ph yêu cầu giao con chung là Phạm Phước Th, sinh ngày 11/12/2014 cho bà L nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Ph sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên ông Ph không có yêu cầu gì.

Bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, bà L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, về con chung xử giao cháu Phạm Phước Th, sinh ngày 11/12/2014 cho bà L nuôi dưỡng đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Mỹ L là bị đơn trong vụ án, bà L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

Đối với nguyên đơn ông Trương Văn Ph đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Trương Văn Ph và bà Phạm Thị Mỹ L là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 5/2015, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay ông bà không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của ông bà nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ph yêu cầu được ly hôn với bà L là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Ph. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Ph được ly hôn với bà L.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Ph và bà L có 01 con chung tên là Phạm Phước Th, sinh ngày 11/12/2014. Hiện nay Th đang sống chung với bà L. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ph yêu cầu giao con chung là Phạm Phước Th, sinh ngày 11/12/2014 cho bà L nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Ph sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Đối với bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của ông Ph, nhưng bà L không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của ông Ph. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ông Ph và bà L sống ly thân cho đến nay thì cháu Th sống chung với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Phước Th, sinh ngày 11/12/2014 cho bà L nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà L không yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Ph. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông Ph, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ph không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ph phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng ông Ph phải chịu án phí là 600.000 đồng; Bà L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Ph.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Trương Văn Ph được ly hôn với bà Phạm Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Phước Th, sinh ngày 11/12/2014 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th thành niên. Ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Phước Th mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), do bà Phạm Thị Mỹ L đại diện nhận tiền cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (10/5/2021 DL) cho đến khi cháu Th thành niên, phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông Ph, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ph không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn Ph phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), tổng cộng ông Ph phải chịu án phí là 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*), nhưng ông Ph được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005910 ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Ph còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*); bà L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trương Văn Ph và bà Phạm Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên